

kinh tế mới tổ chức quản lý các nguồn kinh phí trên, phối hợp với Vụ Kế hoạch và Quy hoạch, Vụ Tài chính - kế toán đề xuất phân bổ cho các đơn vị tham gia và quyết toán với Nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch và Quy hoạch, Tài chính - kế toán, Cục trưởng Cục Định canh định cư, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

BỘ XÂY DỰNG

THÔNG TƯ số 16/2000/TT-BXD ngày 11/12/2000 hướng dẫn việc quản lý xây dựng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và quản lý các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng và tư vấn xây dựng công trình tại Việt Nam.

Thực hiện Điều 112 của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định các Bộ, ngành có trách nhiệm hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực quản lý; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng của Bộ Xây dựng quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ. Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, quản lý hoạt động của các tổ chức xây dựng và tư vấn xây dựng được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và quản lý các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu xây dựng và tư vấn xây dựng công trình tại Việt Nam như sau:

I. QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

1. Thẩm định về quy hoạch, kiến trúc công trình xây dựng:

1.1. Đối tượng thẩm định:

1.1.1. Các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có công trình xây dựng đều phải được thẩm định về quy hoạch và phương án kiến trúc công trình trong quá trình thẩm định dự án đầu tư.

1.1.2. Đối với dự án đầu tư nước ngoài thuộc diện chỉ cần "Đăng ký cấp giấy phép đầu tư" thì về quy hoạch công trình phải thỏa mãn điều kiện quy định tại điểm 1.b Điều 105 của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ (về việc dự án phù hợp với quy hoạch đã được duyệt).

1.2. Nội dung thẩm định:

1.2.1. Nội dung thẩm định về quy hoạch công trình là xem xét sự phù hợp của thiết kế sơ bộ trong hồ sơ dự án so với chứng chỉ quy hoạch (đối với khu vực đầu tư đã có quy hoạch chi tiết được duyệt) hoặc văn bản thỏa thuận về kiến trúc và quy hoạch công trình (đối với khu vực chưa có quy hoạch chi tiết được duyệt) theo các yêu cầu được quy định tại điểm 4.2.5 Điều 42 Chương 4 của Quy chuẩn xây dựng tập 1 được ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

1.2.2. Nội dung thẩm định về phương án kiến trúc công trình là xem xét sự phù hợp của thiết kế sơ bộ công trình về phương án bố trí tổng mặt bằng, tổ hợp hình khối không gian, kiến trúc các mặt chính công trình, trang trí ngoại thất, bố trí cảnh quan sân vườn so với kiến trúc, cảnh quan và môi trường khu vực xung quanh nơi có công trình.

1.3. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, kiến trúc công trình có trong hồ sơ trình thẩm định dự án, bao gồm:

1.3.1. Hồ sơ thiết kế sơ bộ công trình phù hợp với yêu cầu nêu tại khoản I.A của Phụ lục số 1 thuộc Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng được ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

1.3.2. Bản chứng chỉ quy hoạch hoặc bản thỏa thuận về kiến trúc và quy hoạch công trình do Sở Xây dựng địa phương cấp. Riêng đối với trường hợp công trình nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu công nghệ cao (sau đây gọi chung là khu công nghiệp) thì công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp trích sao quy hoạch chi tiết lô đất xây dựng trong khu công nghiệp trên cơ sở quy hoạch chi tiết khu công nghiệp đã được duyệt thay thế cho bản chứng chỉ quy hoạch. Bản chứng chỉ quy hoạch hoặc bản thỏa thuận về kiến trúc và quy hoạch được xin và cấp theo mẫu tại Phụ lục số 1(*).

1.4. Cơ quan thẩm định:

1.4.1. Bộ Xây dựng thẩm định về quy hoạch và phương án kiến trúc công trình của dự án nhóm A (trừ dự án trong khu công nghiệp đã có quy hoạch chi tiết).

1.4.2. Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định quy hoạch và phương án kiến trúc công trình trong hồ sơ dự án nhóm B (trừ dự án trong khu công nghiệp đã có quy hoạch chi tiết).

1.4.3. Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh thẩm định về quy hoạch và kiến trúc công trình của dự án đầu tư trong khu công nghiệp đã có quy hoạch chi tiết.

1.5. Thẩm định về quy hoạch và kiến trúc đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp:

Khi thẩm định dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, việc thẩm định về quy hoạch, kiến trúc là việc thẩm định đối với bản thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp do chủ đầu tư trình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997, Bộ Xây dựng là cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp (trừ trường hợp có quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ).

2. Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình:

2.1. Nội dung thẩm định thiết kế kỹ thuật:

2.1.1. Tư cách pháp lý của tổ chức thiết kế:

a) Đối với dự án do tổ chức tư vấn thiết kế Việt Nam thực hiện thì tổ chức tư vấn, thiết kế công trình phải có đăng ký kinh doanh, dịch vụ

thiết kế do Nhà nước Việt Nam cấp. Đối với dự án do tổ chức tư vấn, thiết kế nước ngoài thực hiện thì sau khi được chọn thầu hoặc trúng thầu, tổ chức tư vấn, thiết kế nước ngoài phải đăng ký để được cấp giấy phép thầu tư vấn xây dựng theo quy định tại Phần III của Thông tư này.

b) Việc khảo sát phục vụ thiết kế công trình (bao gồm khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn và môi trường) phải do tổ chức khảo sát có tư cách pháp nhân Việt Nam thực hiện. Trường hợp khảo sát có yêu cầu kỹ thuật đặc biệt mà các tổ chức khảo sát Việt Nam không có khả năng thực hiện thì chủ đầu tư được chọn tổ chức khảo sát nước ngoài thực hiện. Tổ chức khảo sát nước ngoài này phải đăng ký để được cấp giấy phép khảo sát tại Bộ Xây dựng.

2.1.2. Sự phù hợp của bản thiết kế về quy hoạch và kiến trúc:

a) Xem xét sự phù hợp về quy hoạch và kiến trúc công trình của thiết kế kỹ thuật so với dự án đã được thẩm định khi cấp giấy phép đầu tư, phù hợp với chứng chỉ quy hoạch hoặc bản thỏa thuận về kiến trúc và quy hoạch được cấp. Nếu quy hoạch tổng mặt bằng và kiến trúc công trình trong thiết kế kỹ thuật có sự thay đổi so với thiết kế sơ bộ thì nội dung thẩm định quy hoạch và kiến trúc sẽ thực hiện theo nội dung tại điểm 1.2 trên đây.

b) Trường hợp cơ sở kỹ thuật hạ tầng tới ngoài hàng rào công trình (tới bên ngoài lô đất của dự án) mà chưa có hoặc không phù hợp với thiết kế công trình thì chủ đầu tư cần có phương án xử lý và có thỏa thuận với cơ quan quản lý chuyên ngành (theo quy định tại Điều 103 của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP).

2.1.3. Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật với quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng:

a) Thiết kế công trình được thực hiện theo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài phải được Bộ Xây dựng chấp thuận bằng văn bản.

b) Việc thẩm định về sự tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng để thiết kế được thực hiện đối với nội dung bản thuyết minh thiết kế và các bản vẽ của hồ sơ thiết kế bảo đảm được sự

phù hợp với cấp công trình, điều kiện về an toàn công trình, an toàn phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

2.2. Tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật:

2.2.1. Phân cấp thẩm định thiết kế:

a) Bộ Xây dựng thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình xây dựng thuộc các dự án nhóm A, trừ dự án nhóm A quy mô xây lắp nhỏ (có giá trị xây lắp nhỏ hơn 10% so với tổng mức đầu tư nhưng không lớn hơn 10 triệu USD) và trừ các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao BOT, hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh BTO, hợp đồng xây dựng - chuyển giao BT.

b) Sở Xây dựng các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình xây dựng thuộc dự án nhóm B và dự án nhóm A quy mô xây lắp nhỏ nói tại điểm a trên đây và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận thiết kế (trừ dự án BOT, BTO, BT).

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng BOT, BTO, BT chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ có quản lý xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có dự án để thẩm định thiết kế kỹ thuật các công trình thuộc hợp đồng BOT, BTO, BT.

2.2.2. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế kỹ thuật:

Chủ đầu tư nộp trực tiếp cho cơ quan thẩm định (được phân cấp tại điểm 2.2.1 trên đây) 4 bộ hồ sơ thiết kế, mỗi bộ gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định thiết kế và xin phép xây dựng công trình (do chủ đầu tư đứng tên ký và đóng dấu) theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Thông tư này (*).

b) Các văn bản xác định tư cách pháp lý của tổ chức thiết kế công trình theo quy định tại mục 2.1.1 trên đây.

c) Kết luận thẩm định quy hoạch và phương án kiến trúc công trình trong giai đoạn thẩm định cấp giấy phép đầu tư.

d) Các tài liệu thiết kế kỹ thuật gồm có:

d.1) Bản thuyết minh tổng hợp thiết kế công

trình có kèm theo các số liệu khảo sát về khí hậu, địa chất công trình, môi trường, các số liệu khác liên quan đến thiết kế và bản kê các tiêu chuẩn nước ngoài dùng để thiết kế đã được Bộ Xây dựng chấp thuận, bản kê chương trình phần mềm dùng để thiết kế công trình;

d.2) Bản kết luận của tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế (nếu có);

d.3) Các bản vẽ tổng mặt bằng và bản vẽ tổng hợp bố trí dây chuyền công nghệ;

d.4) Các bản vẽ kiến trúc tổng thể công trình gồm: các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt công trình, các bản vẽ kết cấu chính về nền móng và thân công trình;

d.5) Các bản vẽ tổng hợp hệ thống kỹ thuật hạ tầng công trình và sơ đồ đấu nối vào các công trình kỹ thuật hạ tầng chung;

d.6) Chứng chỉ quy hoạch hoặc bản thỏa thuận về kiến trúc và quy hoạch xây dựng.

d.7) Bản sao hợp pháp quyết định cho thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo trích lục bản đồ địa chính 1/200 ÷ 1/500;

d.8) Bản sao giấy phép đầu tư và các văn bản thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và phòng chống cháy, nổ;

d.9) Bảng liệt kê khối lượng và tiêu chuẩn các vật liệu xây dựng đặc biệt của dự án (theo thiết kế) có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam.

2.2.3. Khi thẩm định thiết kế có liên quan đến chuyên ngành xây dựng khác, cơ quan thẩm định thiết kế phải mời Bộ hoặc Sở quản lý xây dựng chuyên ngành (và Ban quản lý khu công nghiệp nếu công trình nằm trong khu công nghiệp) tham gia thẩm định và lập báo cáo theo mẫu 1 tại Phụ lục số 3 của Thông tư này (*).

Kết quả thẩm định thiết kế là văn bản quyết định chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình do cơ quan thẩm định ban hành theo mẫu 2 tại Phụ lục số 3 của Thông tư này (*).

2.2.4. Hồ sơ thiết kế đã qua thẩm định phải được đóng dấu của cơ quan thẩm định và được giao lại cho chủ đầu tư hai bộ, lưu tại cơ quan thẩm định một bộ, giao cho Sở Xây dựng địa phương (hoặc Ban quản lý khu công nghiệp nếu

công trình nằm trong khu công nghiệp) một bộ để theo dõi thực hiện.

2.2.5. Thời hạn thẩm định thiết kế kỹ thuật toàn công trình hoặc theo từng giai đoạn thiết kế là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với hồ sơ nộp không đầy đủ theo quy định trên, trong thời hạn 5 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ cơ quan thẩm định cần có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung hồ sơ cho đầy đủ và thời gian thẩm định thiết kế được kéo dài tương ứng với thời gian bổ sung thiết kế.

2.2.6. Chủ đầu tư nộp lệ phí thẩm định thiết kế cho cơ quan thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính.

2.2.7. Sau 12 tháng kể từ khi nhận được quyết định về thẩm định thiết kế và xây dựng công trình mà công trình vẫn chưa được tiến hành xây dựng thì văn bản quyết định đó không còn hiệu lực thi hành. Nếu cần tiếp tục xây dựng công trình, chủ đầu tư trình bày lý do bằng văn bản để cơ quan thẩm định xem xét cho tiếp tục thực hiện hoặc thẩm định lại. Trong quá trình xây dựng, sự thay đổi về kiến trúc, quy hoạch, kết cấu chính của công trình so với thiết kế đã được thẩm định chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của cơ quan thẩm định thiết kế.

2.2.8. Cơ quan thẩm định thiết kế chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật Việt Nam về việc thẩm định và quyết định của mình.

2.3. Triển khai xây dựng công trình.

Sau khi nhận được quyết định về thẩm định thiết kế và xây dựng công trình của cơ quan thẩm định thì chủ đầu tư được tiến hành xây dựng công trình theo thiết kế đã được thẩm định; hoặc quá thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ xin thẩm định thiết kế (căn cứ vào bản ký nhận hồ sơ) mà cơ quan thẩm định thiết kế không thông báo quyết định của mình thì chủ đầu tư được tiến hành xây dựng công trình theo hồ sơ thiết kế đã nộp. Chủ đầu tư phải thông báo thời điểm khởi công xây dựng trước 10 ngày cho cơ quan thẩm định thiết kế và chính quyền địa phương (và Ban quản lý khu công nghiệp nếu công trình nằm trong khu công nghiệp).

3. Kiểm tra việc thực hiện đấu thầu trong xây dựng.

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thầu

xây dựng và tư vấn xây dựng kiểm tra việc thực hiện đấu thầu trong xây dựng khi xét cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 94 của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ bao gồm các nội dung sau:

3.1. Tính hợp lệ của pháp nhân nước ngoài đăng ký thực hiện xây dựng so với văn bản xác nhận kết quả đấu thầu của cơ quan có thẩm quyền theo Quy chế Đấu thầu.

3.2. Việc thực hiện cam kết của nhà thầu theo kết quả xét thầu và quy định của Quy chế Đấu thầu.

4. Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

4.1. Trách nhiệm đảm bảo chất lượng công trình xây dựng:

4.1.1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về việc đảm bảo chất lượng xây dựng công trình, an toàn và ổn định công trình, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường trong thời kỳ xây dựng công trình cũng như trong suốt thời gian sử dụng công trình.

4.1.2. Tổ chức khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật Việt Nam về phần công việc và sản phẩm của mình liên quan đến chất lượng công trình.

4.2. Chất lượng công trình xây dựng có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả đối với công trình trong khu công nghiệp, công trình thuộc hợp đồng BOT, BTO, BT) được quản lý và thực hiện theo quy định tại Chương 1, 3, 4 và 5 của bản Quy chế Quản lý chất lượng công trình xây dựng được ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trừ nội dung liên quan đến Hội đồng nghiệm thu Nhà nước nêu tại khoản 3 Điều 19 của bản quy định đó. Riêng đối với công trình xây dựng thuộc hợp đồng BOT, BTO, BT cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng BOT, BTO, BT phải tổ chức bộ phận chuyên môn của mình tham gia giám sát việc thi công, nghiệm thu chất lượng công trình trong quá trình xây dựng và nghiệm thu hoàn thành xây dựng đưa công trình vào sử dụng.

4.3. Khi kết thúc xây dựng công trình (đã tổ

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
0966611103
LawSofit

chức nghiệm thu đưa công trình hoàn thành vào sử dụng), nhà đầu tư báo cáo cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế (được quy định tại điểm 2.2.1 trên đây). Báo cáo được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 của Thông tư này (*). Sau khi thực hiện việc báo cáo đó, nhà đầu tư được phép đưa công trình vào sử dụng. Nhà đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung mình báo cáo. Trường hợp cần thiết cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế tiến hành kiểm tra công trình; nếu phát hiện có vi phạm thiết kế đã được thẩm định hoặc các quy định về xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4.4. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày hoàn thành xây dựng, đưa toàn bộ công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải nộp hồ sơ hoàn thành xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về lưu trữ hồ sơ tài liệu.

II. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Sau khi được cấp giấy phép đầu tư, doanh nghiệp xây dựng và tư vấn xây dựng cần bảo đảm các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật như sau:

1. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng khi hoạt động kinh doanh tại Việt Nam phải bảo đảm có đầy đủ “Điều kiện kinh doanh xây dựng” được ban hành kèm theo Quyết định số 27/2000/QĐ-BXD ngày 08/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chấp hành các quy định khác của pháp luật có liên quan đến xây dựng.

2. Đối với doanh nghiệp tư vấn xây dựng có hoạt động về thiết kế công trình xây dựng thì một trong số người đại diện cho pháp nhân doanh nghiệp và những người làm chủ trì thiết kế của doanh nghiệp phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình theo quy định của pháp luật tại “Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình” được ban hành theo Quyết định số 23/2000/QĐ-BXD ngày 13/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

III. QUẢN LÝ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI VÀO NHẬN THẦU TƯ VẤN XÂY DỰNG, THẦU XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TẠI VIỆT NAM

Các nhà thầu nước ngoài vào nhận thầu về tư vấn xây dựng, thầu xây dựng công trình tại Việt Nam do thắng thầu hoặc được chọn thầu theo Quy chế Đấu thầu của Việt Nam, pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc theo thỏa thuận quốc tế mà Nhà nước Việt Nam ký kết, khi hoạt động phải tuân theo hướng dẫn tại Thông tư này (trừ trường hợp Chính phủ hoặc Hiệp định quốc tế mà Nhà nước Việt Nam ký kết có quy định khác):

1. Quy định chung.

1.1. Các nhà thầu nước ngoài gồm thầu tư vấn xây dựng (bao gồm tư vấn về quản lý dự án xây dựng, khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế, kiểm định, quản lý chất lượng xây dựng và các công việc tư vấn xây dựng khác), và các nhà thầu xây dựng công trình (sau đây gọi chung là nhà thầu) khi nhận thầu thực hiện dự án xây dựng tại Việt Nam đều phải lập hồ sơ theo hướng dẫn tại Thông tư này để được cấp giấy phép thầu tư vấn xây dựng, hoặc giấy phép thầu xây dựng công trình.

1.2. Giấy phép thầu tư vấn xây dựng, giấy phép thầu xây dựng (gọi chung là giấy phép thầu) được cấp cho nhà thầu nước ngoài theo từng hợp đồng nhận thầu. Đối với hợp đồng thứ hai trở đi nếu phát sinh trong cùng năm thì thủ tục xin giấy phép thầu chỉ bao gồm đơn và tài liệu bổ sung khác so với hồ sơ đã có trước đó.

1.3. Giấy phép thầu cấp cho nhà thầu nước ngoài là chứng chỉ pháp lý để nhà thầu nước ngoài thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng, thực hiện xây lắp công trình tại Việt Nam, để quan hệ với các cơ quan Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan tại Việt Nam.

1.4. Khi nhận giấy phép thầu, nhà thầu nước ngoài phải nộp khoản lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép thầu xây dựng do nhà thầu nước ngoài nộp gồm 1 bộ gốc và 3 bộ sao (phôtô copy); bộ gốc gồm có:

2.1. Đơn xin giấy phép thầu xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục số 5 (*).

2.2. Bản sao báo cáo quá trình đấu thầu, đánh giá và kết quả đấu thầu của chủ đầu tư và văn bản xác nhận kết quả đấu thầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp của chủ đầu tư.

2.3. Bản sao giấy phép đầu tư dự án do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc quyết định đầu tư đối với công trình vốn nhà nước hoặc giấy phép xây dựng đối với công trình không phải thuộc vốn nhà nước.

2.4. Chứng chỉ pháp nhân của nhà thầu nước ngoài: Giấy phép thành lập và Điều lệ công ty (hoặc Giấy đăng ký kinh doanh) và chứng chỉ hành nghề của chính quốc cấp cho nhà thầu (bản sao có công chứng tại chính quốc hoặc được cơ quan ngoại giao có thẩm quyền của Việt Nam hoặc chính quốc xác nhận).

2.5. Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc bản cam kết sử dụng thầu phụ Việt Nam theo quy định của Quy chế Đấu thầu Việt Nam.

3. Hồ sơ xin giấy phép thầu tư vấn xây dựng do nhà thầu nước ngoài nộp 1 bộ gốc và 3 bộ sao (phôtô copy); bộ gốc gồm có:

3.1. Đơn xin giấy phép thầu tư vấn xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 5 (*).

3.2. Bản sao báo cáo đánh giá và kết quả đấu thầu của chủ đầu tư; văn bản xác nhận kết quả đấu thầu của cơ quan có thẩm quyền; hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp của chủ đầu tư.

3.3. Bản sao giấy phép đầu tư dự án do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc quyết định đầu tư đối với công trình vốn nhà nước hoặc giấy phép xây dựng đối với công trình không thuộc vốn nhà nước.

3.4. Chứng chỉ pháp nhân về tư vấn xây dựng của nhà thầu nước ngoài được cấp tại chính quốc (bản sao công chứng); bản kê khai kinh nghiệm thiết kế công trình.

4. Tổ chức cấp giấy phép thầu:

4.1. Bộ Xây dựng xét cấp giấy phép thầu đối với các nhà thầu nước ngoài thực hiện các gói thầu thuộc dự án nhóm A về xây lắp từ 10 triệu

USD hoặc tương đương trở lên và gói thầu về tư vấn xây dựng từ 1 triệu USD hoặc tương đương trở lên (công trình có vốn đầu tư nước ngoài hoặc công trình có vốn đầu tư trong nước); và các trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép thầu của Sở Xây dựng quy định điểm 5.2 dưới đây.

4.2. Sở Xây dựng cấp giấy phép thầu cho các nhà thầu nước ngoài thực hiện các gói thầu thuộc dự án nhóm B (công trình có vốn đầu tư nước ngoài) và nhóm B-C (công trình vốn đầu tư trong nước) tại địa bàn tỉnh và các gói thầu nhỏ của dự án nhóm A thấp hơn mức quy định tại điểm 4.1 trên đây.

4.3. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ xin giấy phép thầu, nếu thấy hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì cơ quan cấp giấy phép yêu cầu nhà thầu bổ sung tài liệu. Việc xét và cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài được thực hiện trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Giấy phép thầu xây dựng và tư vấn xây dựng cấp cho nhà thầu nước ngoài thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 6 (*).

5. Những việc nhà thầu nước ngoài phải thực hiện sau khi được cấp giấy phép thầu:

5.1. Đăng ký địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số Fax tại Việt Nam và người đại diện hợp pháp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình và thông báo cho Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng địa phương đó (và Ban quản lý khu công nghiệp nếu công trình nằm trong khu công nghiệp). Khi có sự thay đổi, phải đăng ký lại và thông báo như trên.

5.2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư và xây dựng.

5.3. Thực hiện các quy định ghi trong giấy phép thầu, chấp hành các pháp luật khác của Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.

5.4. Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và báo cáo khi kết thúc hợp đồng về việc hoạt động theo giấy phép thầu được cấp gửi về Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 7 (*).

IV. TỔ CHỨC KIỂM TRA VÀ THỰC HIỆN

1. Tổ chức kiểm tra:

1.1. Căn cứ vào trách nhiệm được phân cấp tại Thông tư này, Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng các tỉnh và thành phố tổ chức kiểm tra việc xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh về xây dựng, tư vấn xây dựng và kiểm tra hoạt động của nhà thầu nước ngoài theo định kỳ một năm một lần. Khi tiến hành kiểm tra phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép đầu tư biết để phối hợp.

Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện khi phát hiện nhà thầu xây dựng có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xây dựng, khi có khiếu nại của các bên có liên quan đến xây dựng công trình hoặc khi có sự cố công trình; cơ quan kiểm tra phải tiến hành kiểm tra, xử lý theo đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan kiểm tra thực hiện tốt chức năng của mình.

1.2. Nghiêm cấm mọi hoạt động kiểm tra tùy tiện không theo quy định tại điểm 1.1 trên và gây phiền hà cho quá trình xây dựng công trình. Mọi việc lợi dụng quyền lực kiểm tra gây phiền hà cho chủ đầu tư và nhà thầu đều bị xử lý nghiêm theo pháp luật.

1.3. Chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc việc kiểm tra, các cơ quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra phải lập văn bản báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có công trình) để biết và xử lý khi cần thiết.

1.4. Định kỳ 6 tháng một lần Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố báo cáo Bộ Xây dựng về việc cấp giấy phép thầu xây dựng, tình hình hoạt động và thực hiện việc xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài tại địa phương theo mẫu Phụ lục số 8 (*).

2. Tổ chức thực hiện:

2.1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày được ký ban hành và thay thế cho Thông tư số 01/BXD-CSXD ngày 15/4/1997, Thông tư số 03/1998/TT-BXD ngày 12/6/1998 của Bộ Xây dựng hướng

dẫn về quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam và thay thế cho Thông tư số 02/1998/TT-BXD ngày 29/4/1998 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đăng ký hoạt động đối với các doanh nghiệp xây dựng, tư vấn xây dựng có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam.

2.2. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện theo quy định của Thông tư này; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát hiện có vấn đề cần thiết chưa được đề cập thì báo cáo Bộ Xây dựng để kịp thời nghiên cứu giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 468/2000/QĐ-NHNN
ngày 08/11/2000 về việc bán ngoại
tệ cho doanh nghiệp có vốn đầu
tư nước ngoài và bên nước ngoài
tham gia hợp đồng hợp tác kinh
doanh.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng vụ Quản lý ngoại hối,

(*). Không in các Phụ lục.